

Số: 1438/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 23 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm
quy trình “4 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện thí điểm quy trình “4 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ; phân công, bố trí công chức, viên chức giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt trong Danh mục nêu tại Điều 1, đảm bảo toàn bộ quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

2. Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng quy trình điện tử đối với việc giải quyết từng thủ tục hành chính được phê duyệt tại Danh mục nêu trên đáp ứng yêu cầu theo quy định; cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến, Cổng thông tin điện tử tỉnh.

3. Văn phòng UBND tỉnh đảm bảo cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho công chức, viên chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư cử ra làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM QUY TRÌNH ‘4 TẠI CHỖ’ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1438/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

*TTHC: Thủ tục hành chính;
DVC: Dịch vụ công.*

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
I				
1	2.001610.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	1.005169.000.00.00.H44	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	2.002010.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	2.002009.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	2.002008.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	2.002006.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	2.002000.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8	2.001996.000.00.00.H44	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	2.001993.000.00.00.H44	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	2.002044.000.00.00.H44	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
11	2.001992.000.00.00.H44	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	2.001954.000.00.00.H44	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	2.002066.000.00.00.H44	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14	2.002069.000.00.00.H44	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	2.002070.000.00.00.H44	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	2.002072.000.00.00.H44	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	1.005165.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	2.002061.000.00.00.H44	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
19	2.002029.000.00.00.H44	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
20	2.002031.000.00.00.H44	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
21	2.002023.000.00.00.H44	Giải thể doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
22	2.002020.000.00.00.H44	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
23	2.002018.000.00.00.H44	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
24	2.002016.000.00.00.H44	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
25	2.002015.000.00.00.H44	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
26	2.001583.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
27	2.001199.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
28	2.002043.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
29	2.002042.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
30	2.002041.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
31	2.002011.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
32	1.005114.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
33	1.005104.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
34	1.005111.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
35	2.002007.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
36	2.002002.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
		hoặc tổ chức khác		
37	1.005096.000.00.00.H44	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
38	1.005168.000.00.00.H44	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
39	2.002067.000.00.00.H44	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
40	2.002045.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
41	2.002075.000.00.00.H44	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42	2.002084.000.00.00.H44	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
43	1.005176.000.00.00.H44	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
44	1.005158.000.00.00.H44	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
45	1.005156.000.00.00.H44	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
46	1.005154.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
47	1.005146.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
48	2.002085.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
49	1.005145.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
50	2.002083.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
51	2.002057.000.00.00.H44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
52	2.002059.000.00.00.H44	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
53	2.002060.000.00.00.H44	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
54	2.002063.000.00.00.H44	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
55	2.002034.000.00.00.H44	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
56	2.002033.000.00.00.H44	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
57	2.002032.000.00.00.H44	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
58	2.002022.000.00.00.H44	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư
59	2.002017.000.00.00.H44	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên Thủ tục hành chính	DVC trực tuyến (mức độ)	Cơ quan thực hiện
		đăng ký thuế		
60	2.002079.000.00.00.H44	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	4	Sở Kế hoạch và Đầu tư